

KQ/250014890
 No.: NA251107-05KT01-02

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU LI VIỆT NAM** - Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 07/11/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/11/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 02 ống hấp phụ

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)		QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT01	KT02	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	11.220	16.860	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,077	0,072	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT01: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 11). Tọa độ: X:1232196.9, Y:589899.1
- KT02: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 12). Tọa độ: X:1232205.0, Y:589901.3.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250014891
 No.: NA251107-05KT03

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU LI VIỆT NAM** - Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 08/11/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/11/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 01 ống hấp phụ

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT03	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	17.460	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,46	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	13,7	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,86	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT03: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 13). Tọa độ: 1232201.3, Y:589909.8

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy


**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**

Hoàng Hoài

KQ/250014892
 No.: NA251107-05KT04-06

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VIILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU LI VIỆT NAM** - Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 08/11/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/11/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 03 ống hấp phụ

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT04	KT05	KT06	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	6.300	17.100	9.420	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,42	0,39	2,4	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	13,4	10,4	82,5	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,84	0,80	1,4	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KT04: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 14). Tọa độ: X:1232203.4, Y:589901.6
- KT05: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 15). Tọa độ: X:1232199.8, Y:589905.0
- KT06: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 16). Tọa độ: X:1232195.7, Y:589908.6

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250014893

No.: NA251107-05KT07-08

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU LI VIỆT NAM** - Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 08/11/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/11/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 02 ống hấp phụ

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)		QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT07	KT08	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m³/h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	11.520	12.720	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm³	CEN/TS 13649:2014	0,05	2,4	2,5	400
3	Etyl axetat	mg/Nm³	CEN/TS 13649:2014	0,05	79,4	77,6	1.400
4	Toluen	mg/Nm³	CEN/TS 13649:2014	0,05	1,5	1,5	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT07: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 17). Tọa độ: X:1232225.3, Y:589991.2
- KT08: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 18). Tọa độ: X:1232248.8, Y:590002.5

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250014894
 No.: NA251107-05KT09-10

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU LI VIỆT NAM** - Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 07/11/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/11/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 02 ống hấp phụ

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)		QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT09	KT10	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m³/h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	6.960	7.800	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	1.400
4	Toluen	mg/Nm³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,075	0,077	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT09: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 04). Toạ độ: X=1232314.6, Y=590040.6
- KT10: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 10).. Toạ độ: X=1232305.1, Y=590027.1

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250014895

No.: NA251107-05KT12-13

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU LI VIỆT NAM** - Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp Phước Đồng, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 07/11/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/11/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 02 ống hấp phụ

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)		QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT12	KT13	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	9.120	5.700	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,071	0,075	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT12: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 25). Toạ độ: X=1232089.0, Y=589889.0
- KT13: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 26). Toạ độ: X=1232166.4, Y=589848.6

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250014896
 No.: NA251107-05KT14-15

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POULI VIỆT NAM** - Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 08/11/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/11/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 02 ống hấp phụ

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)		QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT14	KT15	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	8.760	4.560	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,25	0,25	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT14: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 01). Tọa độ: X=1232207.6, Y=590007.3
- KT15: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 02). Tọa độ: X=1232211.7, Y=590004.2

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250014897
 No.: NA251107-05KT16-18

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU LI VIỆT NAM** - Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 08/11/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/11/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 03 ống hấp phụ

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT16	KT17	KT18	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m³/h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	7.740	8.160	9.780	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	1.400
4	Toluen	mg/Nm³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,25	0,31	0,30	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT16: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 03). Tọa độ: X=1232209.3, Y=589998.3
- KT17: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 05). Tọa độ: X=1232210.9, Y=589993.9
- KT18: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 06). Tọa độ: X=1232215.9, Y=589992.7

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250014898

No.: NA251107-05KT19-21

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU LI VIỆT NAM** - Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 08/11/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/11/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 03 ống hấp phụ

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT19	KT20	KT21	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	8.340	7.320	5.040	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	0,47	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	11,8	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,29	0,28	0,49	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT19: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 07). Tọa độ: X=1232216.3, Y=589994.7
- KT20: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 08). Tọa độ: X=1232158.6, Y=589953.0
- KT21: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 21). Tọa độ: X=1232166.9, Y=589945.4

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250014899
 No.: NA251107-05KT22-24

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POULI VIỆT NAM** - Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 08/11/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/11/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 03 ống hấp phụ

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT22	KT23	KT24	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	8.160	13.680	15.780	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,48	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	12,9	0,38	0,33	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,49	0,30	0,27	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT22: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 22). Tọa độ: X=1232160.1/ Y=589951.8
- KT23: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 23). Tọa độ: X=1232158.7/ Y=589954.2
- KT24: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 24). Tọa độ: X=1232156.3/ Y=589952.9

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy


**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**
 Hoàng Hoài

KQ/250014900
 No.: NA251107-05KT25

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POULI VIỆT NAM** - Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 08/11/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/11/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 01 ống hấp phụ

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT25	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	11.940	-
3	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	400
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	1.400
5	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,27	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT25: Hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 09). Tọa độ: X=1232211.8/ Y=589994.6

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250014901
 No.: NA251107-05KT26

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POULI VIỆT NAM** - Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 08/11/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/11/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 01 giấy lọc, 01 chai dung dịch

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 19:2009/ BTNMT
					KT26	Cột B/ Column B
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	11.460	-
2	Bụi tổng (PM)/ Total Particulate Matter	mg/Nm ³	US EPA 05	0,2	1,5	200

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Inorganic Substances and Dust;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT26: Dòng khí thải số 19 (nguồn số 27): tại ống thải sau hệ thống xử lý bụi nhà xưởng C. Tọa độ: X=1232198.4, Y=589906.8

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài